

Tăng tỷ trọng (từ Mua vào)

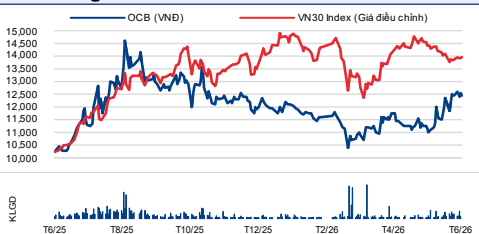
Giá mục tiêu: VNĐ14,700 (giữ nguyên)

Tiềm năng tăng/giảm: 18.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/6/2026)	12,450
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,187-14,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	12,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	33,155
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,259
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,663
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	586
Slg CP NN được mua (tr.đv)	61.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.7%
Tỷ lệ freefloat	15.6%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	11.7	13.2	21.7
So với chỉ số	15.3	6.88	(10.8)
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch.lệch
2026F	1,679	1,810	(7.3)
2027F	1,920	2,202	(12.8)
2028F	2,191	2,540	(13.7)

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa tập trung cho vay lĩnh vực bất động sản, xây dựng và tín dụng xanh. Ngân hàng có CAR và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD sơ bộ Q2/2026 sát với kỳ vọng; hạ khuyến nghị xuống Tăng tỷ trọng trên cơ sở định giá

- HSC hạ khuyến nghị xuống Tăng tỷ trọng sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh gần đây. Chúng tôi giữ nguyên dự báo cho giai đoạn 2026-2028 và giá mục tiêu 14.700đ (tiềm năng tăng giá: 18%).
- Tại hội nghị Emerging Vietnam (EV) 2026 vừa kết thúc của HSC, OCB đã cung cấp số liệu LNTT sơ bộ Q2/2026 nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi - tăng 35% so với mức nền cùng kỳ nhờ thu nhập ngoài lãi tăng mạnh và chi phí kiểm soát tốt.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 9% kể từ Báo cáo cập nhật gần nhất của chúng tôi, OCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,81 lần, sát bình quân 5 năm ở mức 0,92 lần và thấp hơn 31% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,19 lần.

Sự kiện: Cập nhật từ hội nghị EV26 + xem xét lại định giá

Sau khi giá cổ phiếu tăng 9% kể từ cập nhật vào ngày 2/6/2026 của chúng tôi và tăng 12% trong 1 tháng qua, diễn biến vượt trội so với các NHTM tư nhân trong phạm vi phân tích, OCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,81 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 0,92 lần và thấp hơn 31% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,19 lần.

Tại hội nghị EV 2026 của HSC, OCB đã cập nhật về tình hình kinh doanh – thông tin chi tiết bên dưới - nhìn chung sát với kỳ vọng của chúng tôi. Do đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo và giá mục tiêu 14.700đ (tiềm năng tăng giá 18%) nhưng hạ khuyến nghị xuống Tăng tỷ trọng do định giá kém hấp dẫn hơn.

Những thông tin chính từ hội nghị

OCB đã cập nhật về HKKD và chia sẻ LNTT Q2/2026 ước tính tăng 35% so với cùng kỳ đạt khoảng 1,3 nghìn tỷ đồng, theo đó LNTT sơ bộ nửa đầu năm 2026 đạt khoảng 2,6 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 46% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi và hoàn thành 37% kế hoạch tham vọng của Ngân hàng. Các xu hướng kinh doanh cốt lõi nhìn chung đúng với kỳ vọng của chúng tôi, cụ thể:

- Những điểm tích cực chính bao gồm: bảng CĐKT mở rộng mạnh, thu nhập ngoài lãi cải thiện và chi phí hoạt động được kiểm soát tốt.
- Sức ép lên tỷ lệ NIM là điểm tiêu cực chính, trong khi chất lượng tài sản cũng là một mối lo ngại trong bối cảnh lãi suất tăng cao và thị trường BĐS yếu hơn.

Tăng trưởng tín dụng tăng mạnh, dẫn dắt bởi phân khúc khách hàng doanh nghiệp

Tính đến cuối tháng 5, tăng trưởng tín dụng đạt 8% kể từ đầu năm, chủ yếu nhờ cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng 9% kể từ đầu năm. Cho vay bán lẻ tăng vừa phải hơn ở mức 5% kể từ đầu năm. Tăng trưởng tiền gửi nhìn chung tương đương với tăng trưởng tín dụng, đạt 7,5% kể từ đầu năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/6.

(Xem tiếp trang 2)

Cuối năm: Tháng 12	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi thuần (nghìn tỷ đồng)	8.61	9.25	10.1	11.8	13.7
Tổng thu nhập HĐ (nghìn tỷ đồng)	10.1	11.6	12.4	14.2	16.3
LN thuần (nghìn tỷ đồng)	3.17	4.01	4.47	5.11	5.84
EPS (đồng)	1,192	1,506	1,679	1,920	2,191
DPS (đồng)	0	648	0	0	0
BVPS (đồng)	11,893	12,739	14,418	16,338	18,530
P/E (lần)	10.4	8.27	7.42	6.48	5.68
Lợi suất cổ tức (%)	0	5.21	0	0	0
P/B (lần)	1.05	0.98	0.86	0.76	0.67
Tăng trưởng EPS (%)	(3.91)	26.3	11.5	14.4	14.1
ROAE (%)	10.5	12.2	12.4	12.5	12.6

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
 Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Thu nhập ngoài lãi là điểm nhấn chính

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 66% so với cùng kỳ, BLĐ cho biết là nhờ phí dịch vụ, HĐ kinh doanh ngoại hối và thu nhập khác (chủ yếu là thu nhập từ thu hồi nợ xấu) tích cực. Đáng chú ý, thu nhập phí tư vấn gấp 7 lần so với cùng kỳ. BLĐ đặt mục tiêu nâng tỷ trọng đóng góp của thu nhập phí lên khoảng 15% tổng thu nhập hoạt động trong năm 2026 từ khoảng 10% hiện tại.

Tỷ lệ NIM vẫn chịu sức ép

Tỷ lệ NIM trượt 12 tháng ổn định ở mức 3,04% trong Q2/2026, nhìn chung đi ngang so với Q1/2026 (3,08%). BLĐ lưu ý rằng Ngân hàng tiếp tục hỗ trợ khách hàng bằng cách giảm lãi suất cho vay, trong khi chi phí huy động vẫn ở mức cao. Do lợi suất cho vay không định giá lại tương đương chi phí tiền gửi, BLĐ cho rằng tỷ lệ NIM toàn ngành sẽ tiếp tục thu hẹp.

Chất lượng tài sản: Kỳ vọng thận trọng hơn; áp lực trích lập dự phòng tiềm ẩn

BLĐ thận trọng về triển vọng chất lượng tài sản

Ngân hàng đã điều chỉnh kế hoạch tỷ lệ nợ xấu nội bộ (theo quy định tại Thông tư 31) từ 1,9% lên khoảng 2,5%, trước những thách thức vĩ mô và thị trường hiện tại.

Chất lượng tài sản tiếp tục chịu ảnh hưởng do thị trường BĐS phục hồi chậm và áp lực thanh khoản kéo dài ở phân khúc khách hàng cá nhân và hộ gia đình. Thanh khoản thị trường BĐS yếu và giá BĐS giảm đang gây áp lực lên giá trị tài sản đảm bảo và nhu cầu trích lập dự phòng.

Tiến độ thu hồi nợ chậm hơn kỳ vọng ban đầu của BLĐ

Mặc dù thu nhập từ thu hồi nợ xấu tăng mạnh, BLĐ cho biết hoạt động thu hồi nợ vẫn chậm hơn kế hoạch khi OCB mới chỉ hoàn thành 50% mục tiêu nội bộ của 6 tháng đầu năm 2026 kể từ đầu năm.

Bảng 1: KQKD sơ bộ 6 tháng đầu năm 2026, OCB

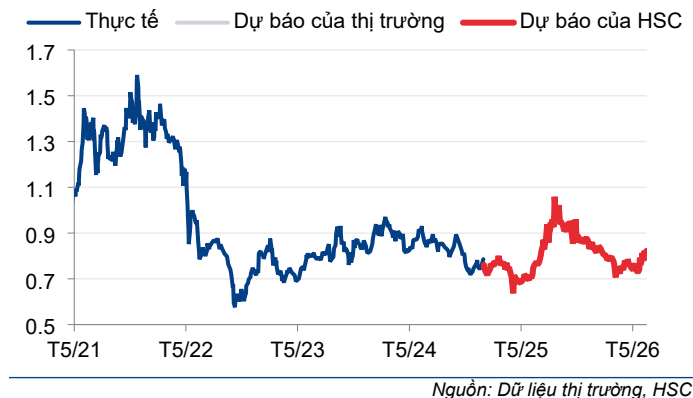
KQKD sơ bộ nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26E	So với cùng kỳ	6T2025	6T2026E	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,179	2,402	10%	4,343	4,785	10%	47%
Thu nhập ngoài lãi	463	768	66%	572	1,108	94%	49%
Tổng thu nhập HĐ	2,642	3,170	20%	4,915	5,892	20%	48%
Chi phí HĐ	-1,009	-1,110	10%	-2,011	-2,119	5%	49%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	1,633	2,061	26%	2,904	3,773	30%	47%
Chi phí dự phòng	-634	-712	12%	-1,012	-1,201	19%	48%
LNTT	999	1,349	35%	1,892	2,573	36%	46%
Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm	8.2%	8.0%*					
Tỷ lệ NIM lũy kế 12 tháng	3.42%	3.08%					

Ghi chú: Tăng trưởng tín dụng tính tới cuối tháng 5.
Nguồn: OCB, HSC

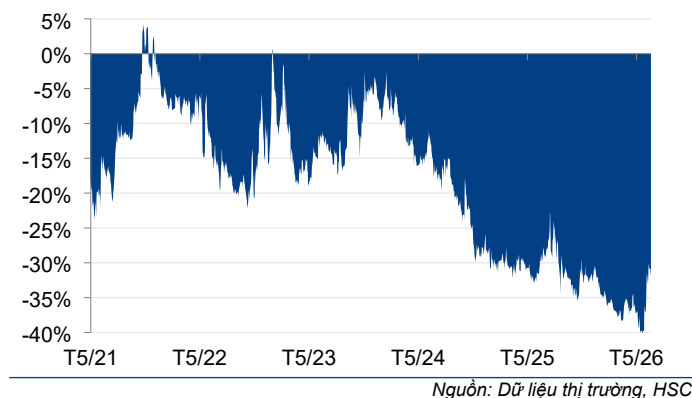
Biểu đồ 2: P/B trượt dự phóng 1 năm, OCB

OCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,81 lần...



Biểu đồ 3: Chênh lệch định giá so với nhóm NHTM tư nhân, OCB

... thấp hơn 31% so với nhóm NHTM tư nhân



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	18.0	21.1	26.3	30.1	34.4
Chi phí lãi	(9.35)	(11.9)	(16.1)	(18.3)	(20.7)
Thu nhập lãi thuần	8.61	9.25	10.1	11.8	13.7
Lãi thuần HĐ dịch vụ	0.93	1.01	1.20	1.39	1.60
Lãi thuần HĐ KDNH	0.31	0.22	0.25	0.25	0.28
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.19)	(0.27)	(0.04)	(0.03)	(0.04)
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0.00	0	0	0
Thu nhập khác	0.41	1.39	0.85	0.78	0.74
Tổng thu nhập HĐ	10.1	11.6	12.4	14.2	16.3
Chi phí HĐ	(3.80)	(4.20)	(4.30)	(4.79)	(5.41)
LN trước dự phòng	6.27	7.39	8.10	9.42	10.9
Chi phí dự phòng	(2.26)	(2.36)	(2.51)	(3.02)	(3.60)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	4.01	5.02	5.59	6.39	7.29
Chi phí thuế TNDN	(0.83)	(1.01)	(1.12)	(1.28)	(1.46)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	3.17	4.01	4.47	5.11	5.84
EPS (đồng)	1,192	1,506	1,679	1,920	2,191
DPS (đồng)	0	648	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,663	2,663	2,663	2,663	2,663
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,663	2,663	2,663	2,663	2,663
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,663	2,663	2,663	2,663	2,663

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.79	1.16	1.21	1.42	1.60
Tiền gửi tại NHNN	2.38	2.88	4.37	3.06	3.46
Tiền gửi tại các TCTD khác	39.1	53.1	59.9	74.5	83.0
Chứng khoán kinh doanh	0	0.05	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.09	0	0	0
Số dư cho vay thuần	173	199	225	255	288
Tổng dư nợ cho vay	176	203	229	259	293
Dự phòng rủi ro	(2.59)	(3.61)	(3.72)	(3.96)	(4.41)
Chứng khoán đầu tư	52.6	58.4	63.6	73.5	82.4
CK đầu tư sẵn sàng để bán	52.6	57.1	62.5	74.0	83.2
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	1.31	1.31	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.05)	(0.03)	(0.27)	(0.52)	(0.77)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.63	0.69	0.66	0.66	0.66
Tài sản khác	11.9	7.26	8.76	11.1	12.5
Tổng tài sản	281	323	364	419	472
Nợ phải trả	249	289	325	376	423
Tiền gửi của NHNN	3.47	7.90	10.3	6.59	6.67
Tiền gửi của các TCTD khác	45.0	54.8	60.0	67.8	76.6
Tổng tiền gửi KH	142	150	175	204	231
Trái phiếu và CCTG	44.0	64.7	68.0	79.3	89.7
Nợ khác	7.79	5.35	4.61	10.4	11.8
Vốn chủ sở hữu	31.7	33.9	38.4	43.5	49.3
Vốn điều lệ	24.7	26.6	30.6	30.6	30.6
Thặng dư vốn cổ phần	0.05	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	3.74	3.97	4.45	9.56	15.4
Quỹ & vốn khác của CSH	3.22	3.32	3.32	3.32	3.32
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	281	323	364	419	472
BVPS (đồng)	11,893	12,739	14,418	16,338	18,530

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	16.9	15.0	12.6	15.3	12.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	19.1	15.4	12.7	13.1	13.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.1	5.31	16.5	16.7	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.9	15.1	13.1	16.7	13.0
Tăng trưởng VCSH (%)	11.0	7.11	13.2	13.3	13.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	27.2	7.46	9.54	16.7	16.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	19.9	10.5	2.35	11.4	13.0
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	8.65	17.9	9.66	16.2	15.7
Tăng trưởng LNTT (%)	(3.22)	25.4	11.4	14.3	14.1
Tăng trưởng LN thuần (%)	(3.91)	26.3	11.5	14.4	14.1

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.87	3.84	3.61	3.63	3.66
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.46)	(1.39)	(1.25)	(1.22)	(1.22)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.8	97.1	97.8	97.7	97.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.43	1.50	1.46	1.67	1.92
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.9	21.4	24.5	27.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.4	8.27	7.42	6.48	5.68
P/B (lần)	1.05	0.98	0.86	0.76	0.67
Lợi suất cổ tức (%)	0	5.21	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	31.5	34.6	36.0	36.0	35.8
ROAA (%)	1.22	1.33	1.30	1.31	1.31
ROAE (%)	10.5	12.2	12.4	12.5	12.6
Chi phí huy động BQ (%)	4.35	4.63	5.47	5.45	5.43
Lợi suất góp BQ (%)	7.20	7.21	7.83	7.87	7.90
Lợi suất thuần (%)	2.85	2.57	2.36	2.42	2.47
Tỷ lệ NIM (%)	3.45	3.16	3.02	3.09	3.15
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.25	8.72	9.71	9.80	9.84
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	85.5	79.8	81.7	83.2	84.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.28	11.5	8.60	7.00	5.99
Tỷ lệ CIR (%)	37.8	36.3	34.7	33.7	33.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	43.0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.1	12.6	11.5	11.3	11.4
VCSH/Tổng TS (%)	11.3	10.5	10.6	10.4	10.5
Đòn bẩy vốn (lần)	8.86	9.52	9.47	9.63	9.57

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.16	3.32	3.20	3.00	2.90
Hệ số LLR (%)	35.3	53.4	50.8	51.0	51.9

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	123	135	131	127	127
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	19.4	20.3	19.8	19.3	19.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	62.7	62.9	62.9	61.8	62.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	175	192	209	209	209
Số lượng nhân viên	7,026	7,728	8,500	8,500	8,500

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn